

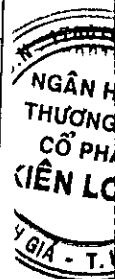


PHỤ LỤC 2B
BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ
KHÁCH HÀNG DOANG NGHIỆP

(Đính kèm Biên bản họp UBTTHĐQT số: 02/BBH-UBTTHĐQT ngày 15/3/2017 của Ủy ban Thường trực Hội đồng quản trị)

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
A	CHUYỂN TIỀN			
I	Chuyển tiền ngoài nước			
1	Chuyển tiền đi bằng điện			
1.1	Phí dịch vụ			
-	Thanh toán trả trước (chưa có Tờ khai hải quan)	0,2%	5 USD	
-	Thanh toán trả sau (Đã có Tờ khai hải quan thông quan)	0,165%	5 USD	
1.2	Phí ngoài nước (nếu người chuyển tiền chịu thêm phí ngoài nước)			
-	Đối với USD	28 USD/lệnh chuyển tiền		
-	Ngoại tệ khác	Thu theo thực tế phát sinh		
1.3	Tu chỉnh, huỷ lệnh chuyển tiền			
		10 USD/lần (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
1.4	Phí tra soát			
		10 USD (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
2	Nhận tiền chuyển đến bằng điện thông qua tài khoản của Kienlongbank tại nước ngoài			
2.1	Phí dịch vụ			
		0,05%	2 USD	100 USD
2.2	Phí tra soát			
		10 USD (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
2.3	Thoái hồi lệnh chuyển tiền			
		10 USD (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
B	TRẢ TIỀN LẤY CHỨNG TỬ (CAD)			
I	CAD nhập khẩu			
1	Nhận và xử lý Bản ghi nhớ (Memorandum)			
-	Phí xử lý	20 USD		
-	Bưu phí	Theo thực tế phát sinh		

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
2	Thanh toán chuyển tiền CAD			
-	Bộ chứng từ nhập khẩu	0,15%	10 USD	300 USD
-	Ký hậu vận đơn/phát hành ủy quyền nhận hàng	5 USD		
II	CAD xuất khẩu			
1	Thanh toán kết quả thu hộ tiền hàng CAD	0,15%	10 USD	200 USD
2	Hủy thu hộ tiền hàng CAD theo yêu cầu của khách hàng	5 USD		
C	NHỜ THU NGOÀI NƯỚC			
I	Nhờ thu gửi đến			
1	Nhận và xử lý nhờ thu			
-	Sec	1 USD/tờ		
-	Bộ chứng từ nhờ thu nhập	5 USD		
2	Thanh toán kết quả nhờ thu			
-	Sec	0,2%	10 USD	
-	Bộ chứng từ nhờ thu	0,15%	10 USD	
3	Từ chối thanh toán nhờ thu nhập khẩu	Thu theo thực tế phát sinh		
4	Tra soát nhờ thu	10 USD		
5	Chuyển tiếp chứng từ nhờ thu cho ngân hàng khác	20 USD + phí thực tế phát sinh (nếu có)		
II	Nhờ thu gửi đi			
1	Gửi nhờ thu đi nước ngoài	Thu bưu phí theo thực tế phát sinh		
2	Thanh toán kết quả nhờ thu			
-	Sec	0,2%	10 USD	100 USD
-	Bộ chứng từ nhờ thu	0,15%	10 USD	200 USD
3	Hủy nhờ thu theo yêu cầu của người nhờ thu	15 USD/lần (bao gồm điện phí)+ chi phí thực tế phải trả cho ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
4	Sửa đổi chỉ thị nhờ thu theo yêu cầu	15 USD/lần (bao gồm điện phí)		
5	Tra soát nhờ thu	10 USD/lần (bao gồm điện phí)		
D	TÍN DỤNG CHỨNG TỪ			
I	Thư tín dụng xuất khẩu			
1	Thông báo thư tín dụng			



STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo trực tiếp	15 USD		
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo thứ nhất	20 USD		
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo thứ hai	10 USD + phí của Ngân hàng thông báo thứ nhất		
2	Thông báo tu chính thư tín dụng			
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo trực tiếp	5 USD		
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo thứ nhất	15 USD		
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo thứ hai	5 USD + phí của Ngân hàng thông báo thứ nhất		
3	Xử lý bộ chứng từ			
-	Bộ chứng từ xuất trình tại kienlongbank.	Miễn phí		
-	Bộ chứng từ đã kiểm tra bản thảo hoặc kiểm tra xong, nhưng khách hàng xuất trình tại ngân hàng khác	15 USD/bộ		
4	Thanh toán bộ chứng từ xuất khẩu	0,15%	20 USD	200 USD
5	Chuyển nhượng thư tín dụng xuất khẩu	0,10%	30 USD	200 USD
6	Tu chính chuyển nhượng			
-	Tu chính tăng số tiền	0,10%	30 USD	200 USD
-	Tu chính khác	30 USD		
7	Xác nhận thư tín dụng	0,15%/tháng	50 USD	
II	Thư tín dụng nhập khẩu			
1	Phát hành thư tín dụng (*)			
1.1	Ký quỹ 100%	0,075%	50 USD	500 USD
1.2	Ký quỹ <100%			
-	Tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm hoặc Giấy tờ có giá do Kienlongbank phát hành (đảm bảo 100% giá trị LC)	0,10%	50 USD	500 USD
-	Tài sản đảm bảo là tài sản khác		50 USD	2.000 USD
+	Số tiền ký quỹ	0,075%		
+	Số tiền không ký quỹ	0,15%		

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
1.3	Miễn ký quỹ	0,10%	50 USD	2.000 USD
2	Tu chỉnh thư tín dụng (*)			
2.1	Tu chỉnh tăng số tiền	Như phát hành thư tín dụng		
2.2	Tu chỉnh ngày hết hiệu lực			
-	Ký quỹ 100%	20 USD		
-	Ký quỹ <100%	0,05%/tháng (tính theo ngày trên cơ sở : 1 năm = 360 ngày, 1 tháng = 30 ngày, từ ngày hết hiệu lực cũ cho đến ngày hết hiệu lực mới, tối thiểu 30 ngày)	20 USD	300 USD
2.3	Các tu chỉnh khác	20 USD		
3	Ký hậu vận đơn/ phát hành ủy quyền nhận hàng (*)	5 USD		
4	Chấp nhận hối phiếu/ chấp nhận thanh toán thư tín dụng trả chậm (phí tính theo ngày) (*)	Tính theo ngày trên cơ sở : 1 năm = 360 ngày, 1 tháng = 30 ngày, từ ngày khách hàng chấp nhận thanh toán đến ngày đáo hạn, tối thiểu 30 ngày		
-	Ký quỹ 100%	0,05%/ tháng	50 USD	500 USD
-	Ký quỹ <100%	0,08%/ tháng	50 USD	
5	Thông báo thanh toán	Miễn phí		
6	Thanh toán thư tín dụng	0,2%	20 USD	2000 USD
7	Phí bất hợp lệ (thu KH nước ngoài) (*)	50 USD		
8	Hủy thư tín dụng (*)	20 USD + Phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
9	Bảo lãnh nhận hàng (*)			
-	Phát hành bảo lãnh nhận hàng theo thư tín dụng	50 USD/bảo lãnh		
-	Sửa đổi bảo lãnh nhận hàng	20 USD		
10	Hoàn trả bộ chứng từ	20 USD + phí thực tế phát sinh (nếu có)		
E	ĐIỆN PHÍ QUỐC TẾ			
1	Telex	Thu theo thực tế phát sinh		
2	Chuyển qua mạng SWIFT			
-	Phát hành thư tín dụng	30 USD - 50 USD (Tùy theo độ dài của LC)		
-	Phát hành thư bảo lãnh/chuyển nhượng L/C	30 USD - 50 USD (Tùy theo độ dài của LC)		
-	Điện chuyển tiền	5 USD		
-	Điện tu chỉnh L/C	15 USD - 25 USD		
-	Điện khác	10 USD		

Nguyên tắc thu phí:

1. Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
2. Phí được thu bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản niêm yết của Kienlongbank tại thời điểm thu.
3. Các dịch vụ có phát sinh điện phí, bưu phí sẽ thu thêm điện phí, bưu phí theo thực tế phát sinh.
4. Các chi phí thực tế khác như thuế, các chi phí phải trả cho bên thứ ba tham gia dịch vụ (nếu có), sẽ thu theo thực tế (nếu có)
5. Phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu sẽ không hoàn lại trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy dịch vụ.
6. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh, hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ.
7. Đối với những dịch vụ thanh toán quốc tế thực hiện tại ngân hàng khác thông qua Kienlongbank, thu theo phí thực tế (nếu có)
8. Trường hợp có Hợp đồng/Thỏa thuận giữa Kienlongbank và khách hàng, hoặc sản phẩm dịch vụ có quy định thu phí riêng, đơn vị thực hiện thu phí theo Hợp đồng/Thỏa thuận/Quy định của sản phẩm dịch vụ.
9. (*): Các loại phí không thu thuế giá trị gia tăng.
10. Thẩm quyền giảm phí dịch vụ như sau: Tổng Giám đốc 30%, Phó Tổng Giám đốc 20%, Giám đốc CN/PGD 10% đối với Biểu phí dịch vụ này và không thuộc chương trình khuyến mãi của Kienlongbank.